TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 13-5-2022
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Hiệp

Ông Trịnh Thanh Thừa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn T H, sinh năm 1975

Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lê T T H2, sinh năm 1970

Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn T H có mặt. Bà Lê T T H2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn T H trình bày: Bà Lê T T H2 có tham gia 06 dây hụi do bà H làm chủ thảo cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất, mở vào ngày 20-6-2015 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, loại hụi 03 tháng mở 01 kỳ, gồm 14 hụi viên trong đó bà H2 tham gia 01 phần, bà H2 đã lĩnh hụi vào kỳ mở hụi đầu tiên, số tiền lĩnh hụi là 29.250.000 đồng, bà H2 đã đóng thêm 01 kỳ hụi là 5.000.000 đồng, sau đó không đóng hụi kéo dài đến nay, bà H2 còn nợ 12 kỳ hụi chưa đóng.

Dây hụi thứ hai, mở vào ngày 01-7-2014 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng, loại hụi 03 tháng mở 01 kỳ, gồm 13 hụi viên trong đó bà H2 tham gia 01 phần, bà H2 đã lĩnh hụi vào kỳ mở hụi thứ 03, số tiền lĩnh hụi là 17.400.000 đồng, bà H2 đã đóng thêm 01 kỳ hụi là 3.000.000 đồng, sau đó không đóng hụi kéo dài đến nay, bà H2 còn nợ 09 kỳ hụi chưa đóng.

Dây hụi thứ ba, mở vào ngày 25-3-2015 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, loại hụi 03 tháng mở 01 kỳ, gồm 19 hụi viên trong đó bà H2 tham gia 01 phần, bà H2 đã lĩnh hụi vào kỳ mở hụi thứ 04, số tiền lĩnh hụi là 16.650.000 đồng, bà H2 đã đóng thêm 01 kỳ hụi là 2.000.000 đồng, sau đó không đóng hụi kéo dài đến nay, bà H2 còn nợ 14 kỳ hụi chưa đóng.

Dây hụi thứ tư, mở vào ngày 20-6-2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, loại hụi tháng, gồm 12 hụi viên trong đó bà H2 tham gia 01 phần, bà H2 đã lĩnh hụi vào kỳ mở hụi thứ 05, số tiền lĩnh hụi là 8.515.000 đồng, bà H2 đã đóng thêm 02 kỳ hụi tổng cộng là 2.000.000 đồng, sau đó không đóng hụi kéo dài đến nay, bà H2 còn nợ 05 kỳ hụi chưa đóng.

Dây hụi thứ năm, mở vào ngày 10-11-2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, loại hụi tháng, gồm 23 hụi viên trong đó bà H2 tham gia 01 phần, bà H2 đã lĩnh hụi vào kỳ mở hụi thứ 02, số tiền lĩnh hụi là 10.870.000 đồng, bà H2 đã đóng thêm 03 kỳ hụi tổng cộng là 3.000.000 đồng, sau đó không đóng hụi kéo dài đến nay, bà H2 còn nợ 18 kỳ hụi chưa đóng.

Dây hụi thứ sáu, mở vào ngày 20-9-2014 âm lịch, hụi 500.000 đồng, loại hụi tháng, gồm 26 hụi viên trong đó bà H2 tham gia 01 phần, bà H2 đã lĩnh hụi vào kỳ mở hụi thứ 02, số tiền lĩnh hụi là 8.420.000 đồng, bà H2 đã đóng thêm 02 kỳ hụi tổng cộng là 1.000.000 đồng, sau đó không đóng hụi kéo dài đến nay, bà H2 còn nợ 22 kỳ hụi chưa đóng.

Tổng số tiền hụi bà H2 đã lĩnh là 91.105.000 đồng, vì bà H2 không đóng hụi nên bà H là chủ thảo đã đóng hụi cho các hụi viên khác tổng cộng là 117.500.000 đồng. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà H2 trả tiền nợ hụi là 117.500.000 đồng.

- *Ý kiến của bị đơn bà Lê T T H2:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê T T H2 vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn T H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê T T H2 trả số tiền hụi theo hợp đồng góp hụi được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn bà Lê T T H2 cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hụi" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc áp dụng pháp luật:

Hợp đồng dân sự về hụi giữa các bên được xác lập từ ngày 01-7-2014 âm lich, tuy nhiên các dây hụi tiếp tục mở theo kỳ đến khi mãn hụi (kết thúc dây hụi), ngày kết thúc các dây hụi đều sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết yêu cầu của các đương sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê T T H2:

Xét thấy bà Lê T T H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đo, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Lê T T H2.

[4] Xác định người tham gia tố tụng:

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn T H yêu cầu bà Lê T T H2 và ông Lê V T (chồng bà H2) liên đới trả tiền hụi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê V T đã chết (đến ngày mở phiên tòa là hơn 03 tháng). Sau khi ông Lê V T chết, bà Nguyễn T H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, bà Nguyễn T H xác định chỉ yêu cầu một mình bà Lê T T H2 trả tiền hụi, không yêu cầu người thừa kế của ông Lê V T thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại hoặc yêu cầu người thừa kế của ông Lê V T liên đới trả tiền. Đối với bà Lê T T H2 đã nhận được thông báo thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng bà H2 không có ý kiến hoặc đề nghị người thừa kế của ông Lê V T liên đới trả tiền hụi. Do đó, Tòa án không đưa người thừa kế của ông Lê V T vào tham gia tố tụng vì không ai có yêu cầu làm ảnh hưởng đến quyền lợi hoặc nghĩa vụ do ông Lê V T để lại.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T H:

[5.1] Bà Nguyễn T H cung cấp 06 danh sách hụi và 06 biên nhận tiền hụi để làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ các danh sách hụi đều thể hiện các thông tin như chủ thảo, ngày mở hụi, số tiền hụi, số hụi viên đúng như bà H đã trình bày và mỗi danh sách hụi đều có thể hiện tên "H2 – chính T". Căn cứ các biên nhận tiền hụi đều thể hiện ngày tháng bà H2 lĩnh hụi, số tiền hụi bà H giao cho bà H2 và phía dưới có chữ ký "H2". Ngoài ra, bà H2 đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án, đã nhận các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp và biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng bà H2 không đến Tòa án tham gia tố tụng và không nộp văn bản thể hiện ý kiến. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết về việc tham gia hụi của bà H2 theo như bà H trình bày là đúng sự thật, đủ căn cứ xác định bà H2 đã lĩnh tiền hụi là 91.105.000 đồng đúng như bà H trình bày.

[5.2] Đối với dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20-6-2015 âm lịch:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Lê T T H2 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn T H. Xét thấy, hợp đồng góp hụi là một hình thức của hợp đồng vay tài sản, thỏa thuận tiền lãi góp hụi của các bên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đo, căn cứ ngày lĩnh hụi và số tiền hụi bà Lê T T H2 đã lĩnh, Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

Bà Lê T T H2 lĩnh hụi vào kỳ đầu tiên với số tiền 29.250.000 đồng (13 hụi viên chưa lĩnh hụi, mỗi hụi viên đóng 2.250.000 đồng), nhận tiền hụi ngày 04-7-2015 âm lịch (ngày 17-8-2015), tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 13-5-2022) như sau:

29.250.000 đồng x 2.462 ngày x 20%/365 ngày = 39.459.452 đồng

Tiền lĩnh hụi (tiền gốc) và tiền lãi là 68.709.452 đồng. Căn cứ Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 68.709.452 đồng, bà H2 đã đóng hụi 01 lần là 5.000.000 đồng nên còn nghĩa vụ trả 63.709.452 đồng.

[5.3] Đối với dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 01-7-2014 âm lịch:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Lê T T H2 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn T H. Xét thấy, hợp đồng góp hụi là một hình thức của hợp đồng vay tài sản, thỏa thuận tiền lãi góp hụi của các bên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đo, căn cứ ngày lĩnh hụi và số tiền hụi bà Lê T T H2 đã lĩnh, Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

Bà Lê T T H2 lĩnh hụi vào kỳ thứ 03 với số tiền 17.400.000 đồng (02 hụi viên đã lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 3.000.000 đồng, 10 hụi viên chưa lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 1.140.000 đồng), nhận tiền hụi ngày 10-12-2014 âm lịch (ngày 29-01-2015), khấu trừ tiền hụi của 02 hụi viên đã lĩnh hụi đóng lại là 6.000.000 đồng, như vậy tiền hụi của 10 hụi viên chưa lĩnh hụi là 11.400.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 13-5-2022) như sau:

11.400.000 đồng x 2.662 ngày x 20%/365 ngày = 16.628.384 đồng.

Tiền lĩnh hụi (tiền gốc) và tiền lãi là 28.028.384 đồng. Căn cứ Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 28.028.384 đồng, bà H2 đã đóng hụi 01 lần là 3.000.000 đồng nên còn nghĩa vụ trả 25.028.384 đồng.

[5.4] Đối với dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25-3-2015 âm lịch:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Lê T T H2 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn T H. Xét thấy, hợp đồng góp hụi là một hình thức

của hợp đồng vay tài sản, thỏa thuận tiền lãi góp hụi của các bên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đo, căn cứ ngày lĩnh hụi và số tiền hụi bà Lê T T H2 đã lĩnh, Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

Bà Lê T T H2 lĩnh hụi vào kỳ thứ 04 với số tiền 16.650.000 đồng (03 hụi đã lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 2.000.000 đồng, 15 hụi viên chưa lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 710.000 đồng), nhận tiền hụi ngày 25-6-2014 âm lịch (ngày 21-7-2014), khấu trừ tiền hụi của 03 hụi viên đã lĩnh hụi đóng lại là 6.000.000 đồng, như vậy tiền hụi của 15 hụi viên chưa lĩnh hụi là 10.650.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 13-5-2022) như sau:

10.650.000 đồng x 2.854 ngày x 20%/365 ngày = 16.654.849 đồng.

Tiền lĩnh hụi (tiền gốc) và tiền lãi là 27.304.849 đồng. Căn cứ Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 27.304.849 đồng, bà H2 đã đóng hụi 01 lần là 2.000.000 đồng nên còn nghĩa vụ trả 25.304.849 đồng.

[5.5] Đối với dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 20-6-2015 âm lịch:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Lê T T H2 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn T H. Xét thấy, hợp đồng góp hụi là một hình thức của hợp đồng vay tài sản, thỏa thuận tiền lãi góp hụi của các bên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đo, căn cứ ngày lĩnh hụi và số tiền hụi bà Lê T T H2 đã lĩnh, Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

Bà Lê T T H2 lĩnh hụi vào kỳ thứ 05 với số tiền 8.515.000 đồng (04 hụi viên đã lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 1.000.000 đồng, 07 hụi viên chưa lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 645.000 đồng), nhận tiền hụi ngày 25-10-2015 âm lịch (ngày 06-12-2015), khấu trừ tiền hụi của 04 hụi viên đã lĩnh hụi đóng lại là 4.000.000 đồng, như vậy tiền hụi của 07 hụi viên chưa lĩnh hụi là 4.515.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 13-5-2022) như sau:

4.515.000 đồng x 2.351 ngày x 20%/365 ngày = 5.816.310 đồng.

Tiền lĩnh hụi (tiền gốc) và tiền lãi là 10.331.310 đồng. Căn cứ Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 10.331.310 đồng, bà H2 đã đóng hụi 02 lần là 2.000.000 đồng nên còn nghĩa vụ trả 8.331.310 đồng.

[5.6] Đối với dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 10-11-2015 âm lịch:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Lê T T H2 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn T H. Xét thấy, hợp đồng góp hụi là một hình thức của hợp đồng vay tài sản, thỏa thuận tiền lãi góp hụi của các bên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đo, căn cứ ngày lĩnh

hụi và số tiền hụi bà Lê T T H2 đã lĩnh, Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

Bà Lê T T H2 lĩnh hụi vào kỳ thứ 02 với số tiền 10.870.000 đồng (01 hụi viên đã lĩnh hụi đóng 1.000.000 đồng, 21 hụi viên chưa lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 470.000 đồng), nhận tiền hụi ngày 15-12-2015 âm lịch (ngày 24-01-2016), khấu trừ khoản tiền của 01 hụi viên đã lĩnh hụi đóng lại là 1.000.000 đồng, như vậy tiền hụi của 21 hụi viên chưa lĩnh hụi là 9.870.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 13-5-2022) như sau:

9.870.000 đồng x 2.302 ngày x 20%/365 ngày = 12.449.721 đồng.

Tiền lĩnh hụi (tiền gốc) và tiền lãi là 22.319.721 đồng. Căn cứ Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 22.319.721 đồng, bà H2 đã đóng hụi 03 lần là 3.000.000 đồng nên còn nghĩa vụ trả 19.319.721 đồng.

[5.7] Đối với dây hụi 500.000 đồng mở ngày 20-9-2014 âm lịch:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Lê T T H2 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn T H. Xét thấy, hợp đồng góp hụi là một hình thức của hợp đồng vay tài sản, thỏa thuận tiền lãi góp hụi của các bên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đo, căn cứ ngày lĩnh hụi và số tiền hụi bà Lê T T H2 đã lĩnh, Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

Bà Lê T T H2 lĩnh hụi vào kỳ thứ 02 với số tiền 8.420.000 đồng (01 hụi viên đã lĩnh hụi đóng 500.000 đồng, 24 hụi viên chưa lĩnh hụi thì mỗi hụi viên đóng 330.000 đồng), nhận tiền hụi ngày 25-10-2014 âm lịch (ngày 16-12-2014), khấu trừ tiền hụi của 01 hụi viên đã lĩnh hụi đóng lại là 500.000 đồng, như vậy tiền hụi của 24 hụi viên chưa lĩnh hụi là 7.920.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 13-5-2022) như sau:

7.920.000 đồng x 2.706 ngày x 20%/365 ngày = 11.743.299 đồng.

Tiền lĩnh hụi (tiền gốc) và tiền lãi là 19.663.299 đồng. Căn cứ Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 19.663.299 đồng, bà H2 đã đóng hụi 02 lần là 1.000.000 đồng nên còn nghĩa vụ trả 18.663.299 đồng.

[5.8] Như vậy căn cứ Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Lê T T H2 còn có nghĩa vụ trả số tiền hụi là 160.357.014 đồng nhưng bà H khởi kiện yêu cầu 117.500.000 đồng là có lợi cho bà H2, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

[6] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn T H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Lê T T H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.875.000 đồng (tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T H được chấp nhận). Nguyên đơn bà Nguyễn T H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T H đối với bà Lê T T H2 về việc yêu cầu trả tiền hụi..

Buộc bà Lê T T H2 trả cho bà Nguyễn T H số tiền 117.500.000 đồng (một trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê T T H2 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.875.000 đồng (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn T H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nguyễn T H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.937.500 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000061 ngày

07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn T H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê T T H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng